

CTCP PIV

Ngày	2,900 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-9.4%	-

DT thuần	Q4/24
0.19	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.19	
YoY: ▼0.20 -51.5%	

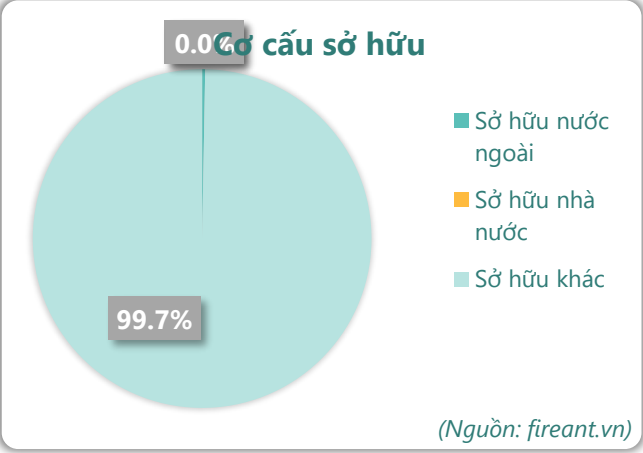
LN thuần	Q4/24
-0.29	tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.11 -61.4%	
YoY: ▲ 0.33 53.2%	

LN sau thuế	Q4/24
-0.29	tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.08 -40.0%	
YoY: ▲ 0.33 52.6%	

Tỷ suất lãi EBIT	2024
-63.5%	
YoY: +/-▲ 23.3%	

ROE	2024
-44.2%	
YoY: +/-▲ 56.0%	

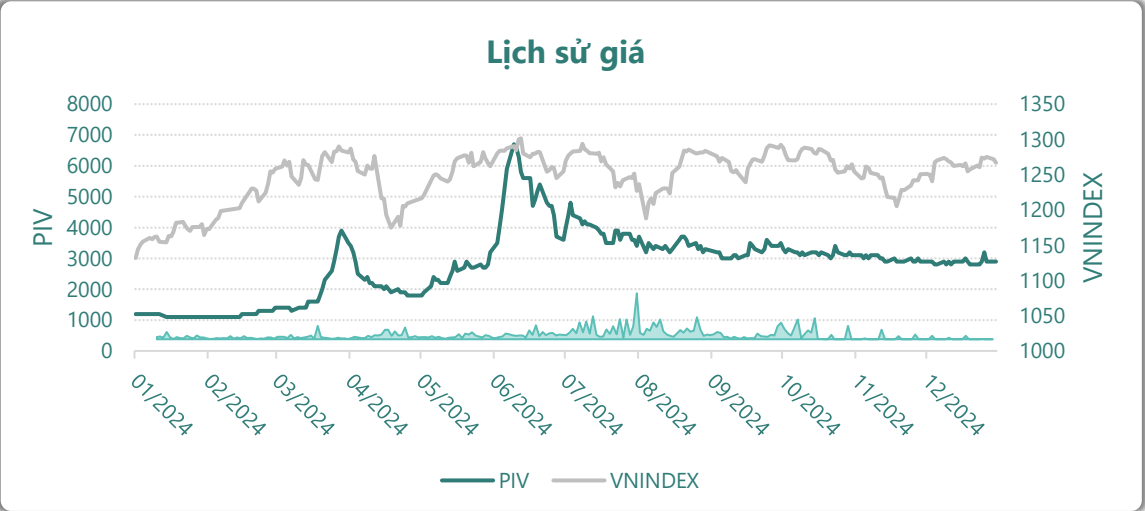
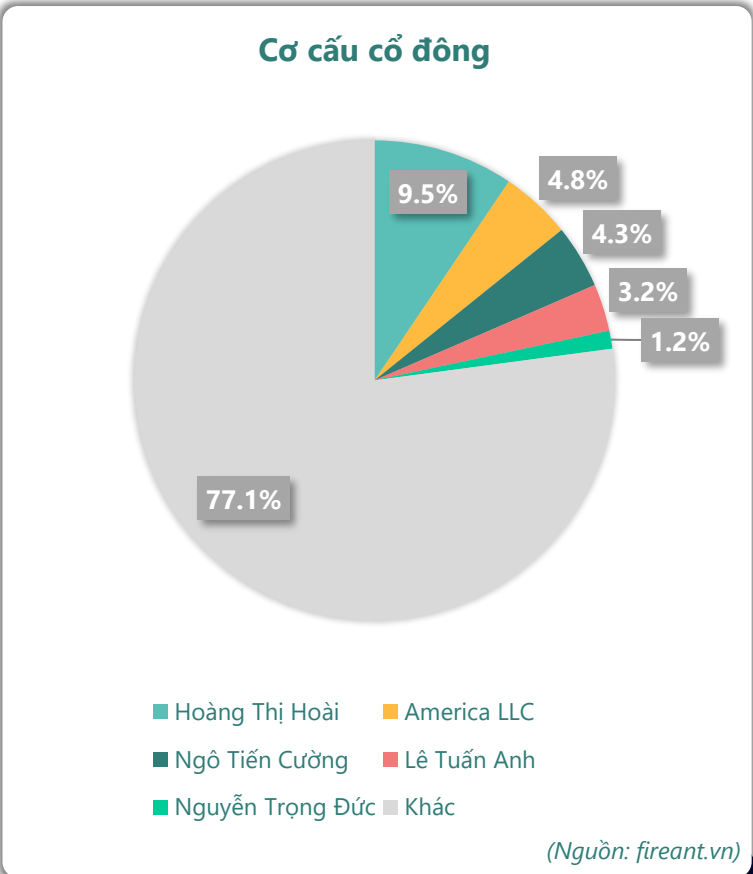
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,100 - 6,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	50
Số lượng CPLH (CP)	17,324,942
KLGD BQ 20 phiên (CP)	78,865
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	2.58
EPS	-58
P/E	-50.1



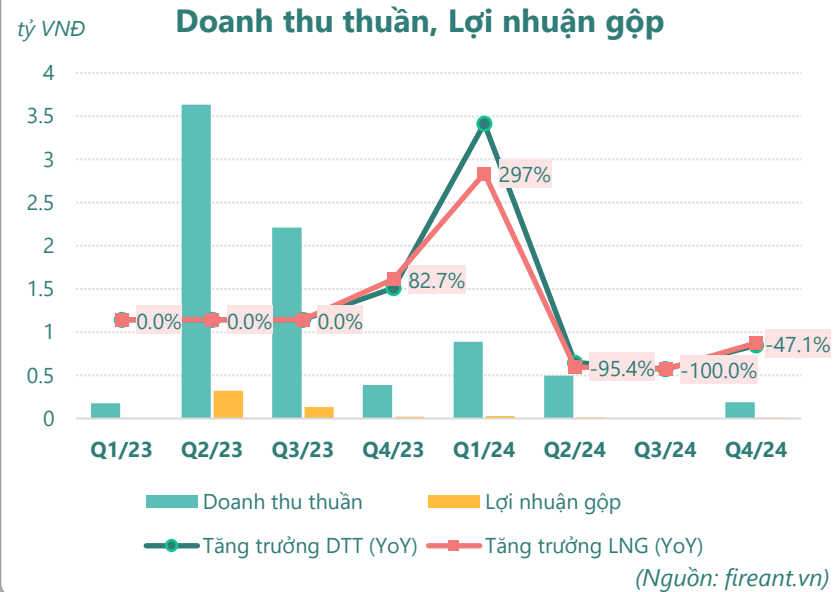
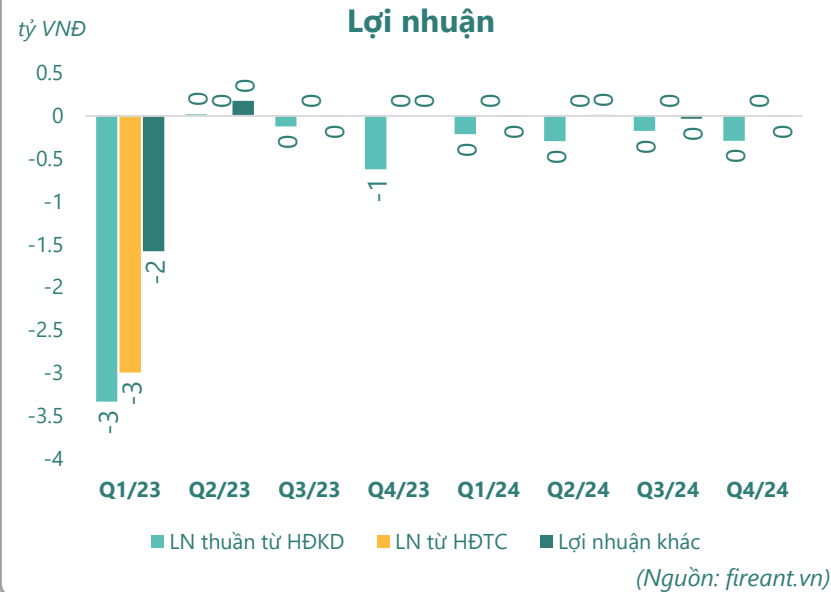
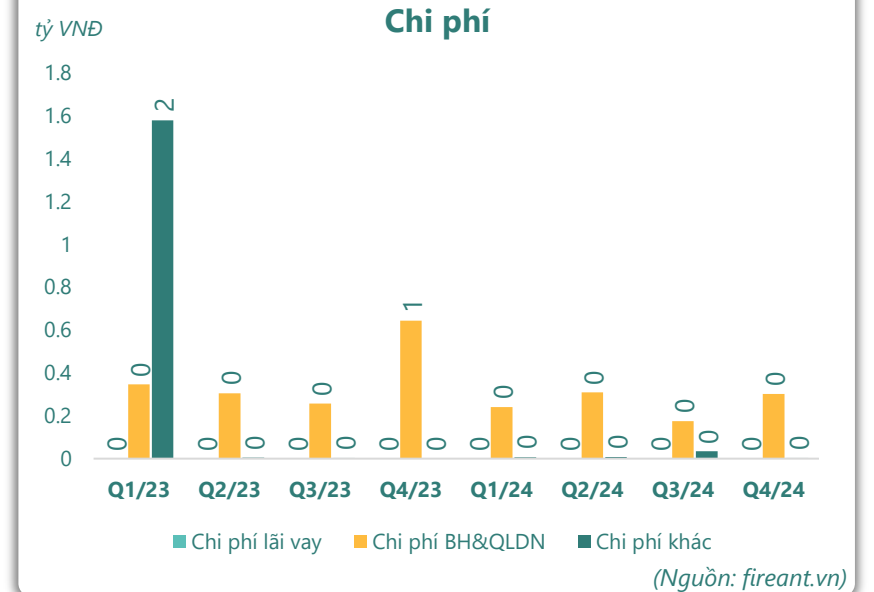
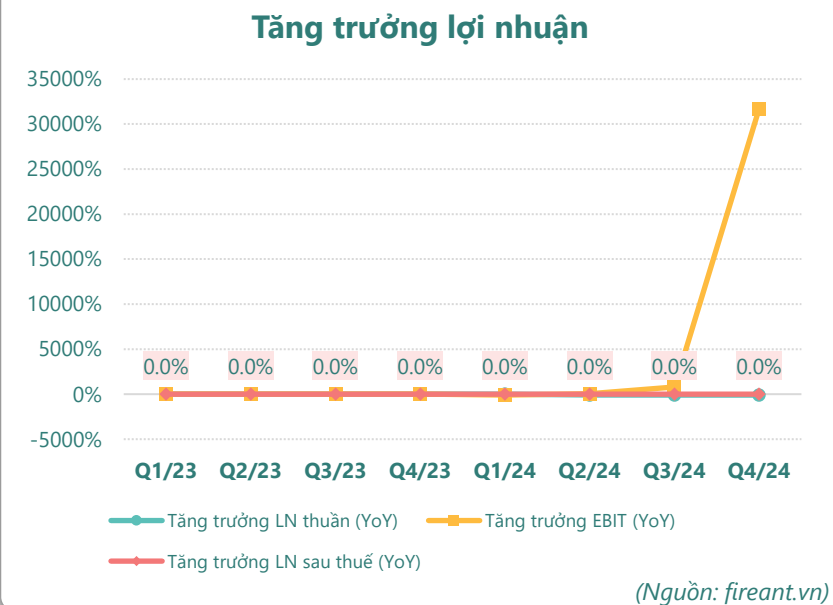
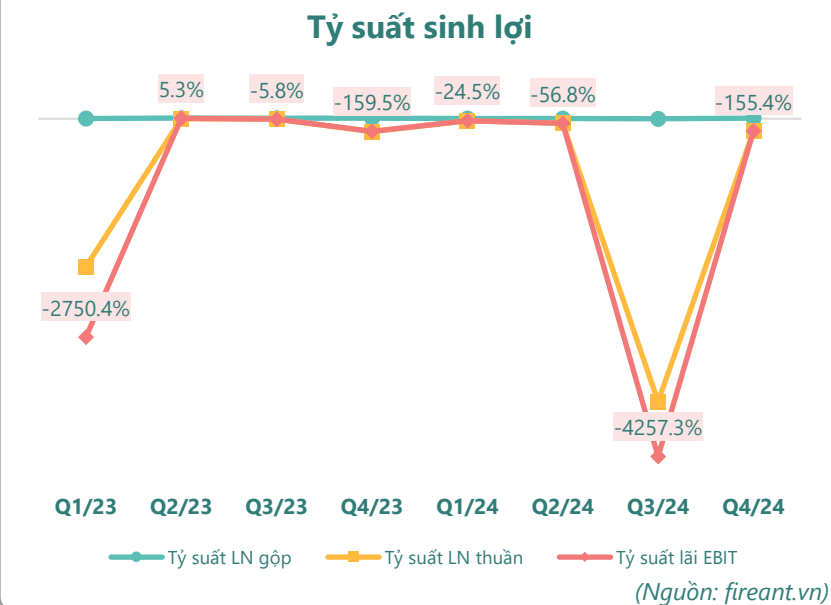
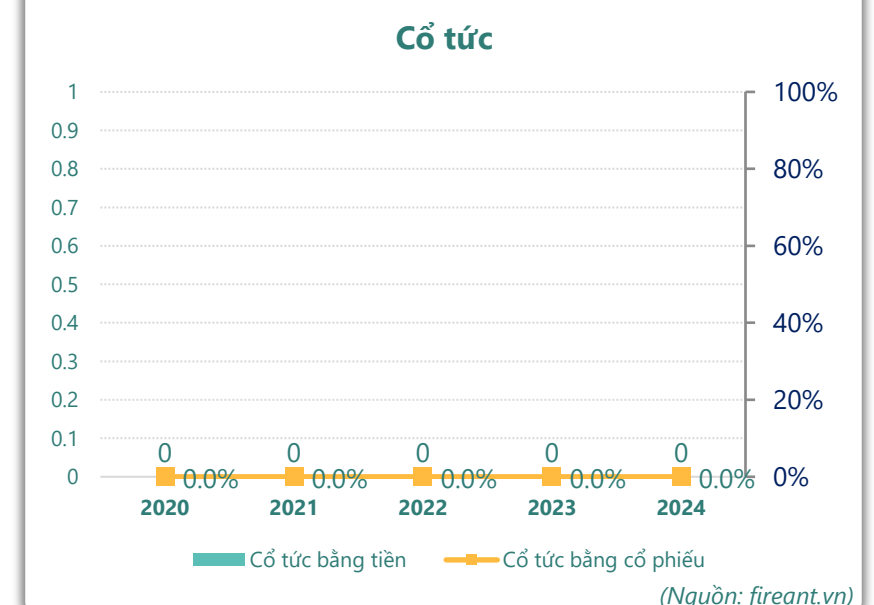
DT thuần	2024
1.58	tỷ VNĐ
YoY: ▼4.83 -75.4%	

LN thuần	2024
-0.97	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.20 76.7%	

LN sau thuế	2024
-1.00	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.57 82.0%	



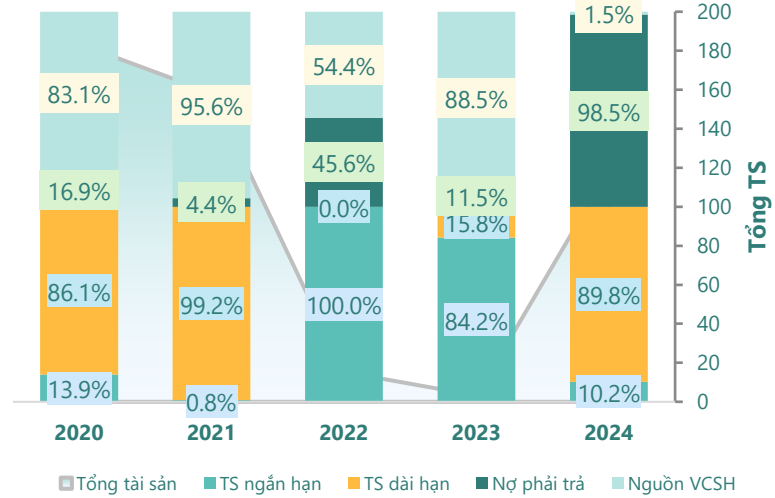
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

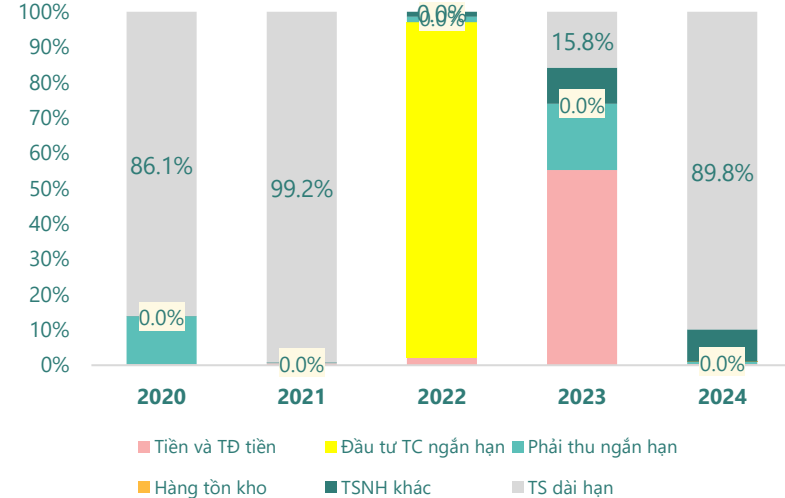
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

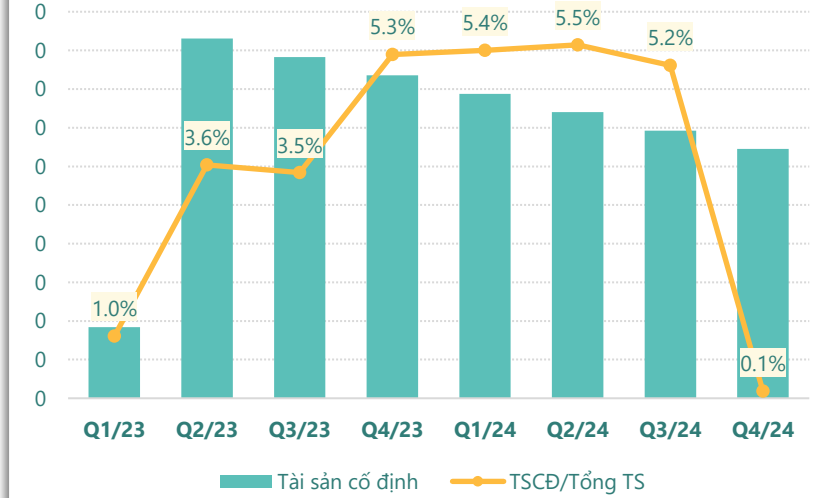
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

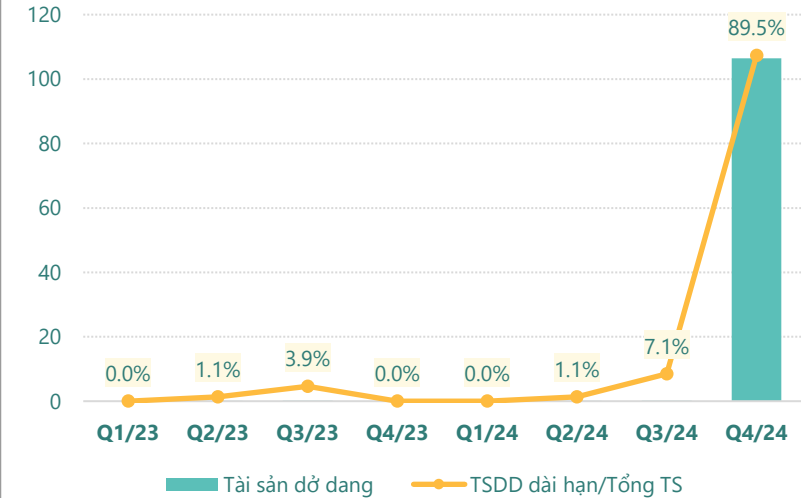
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

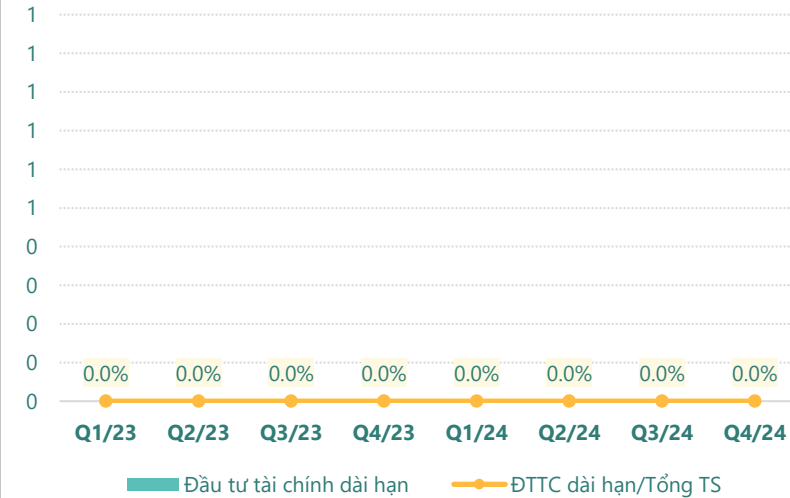
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

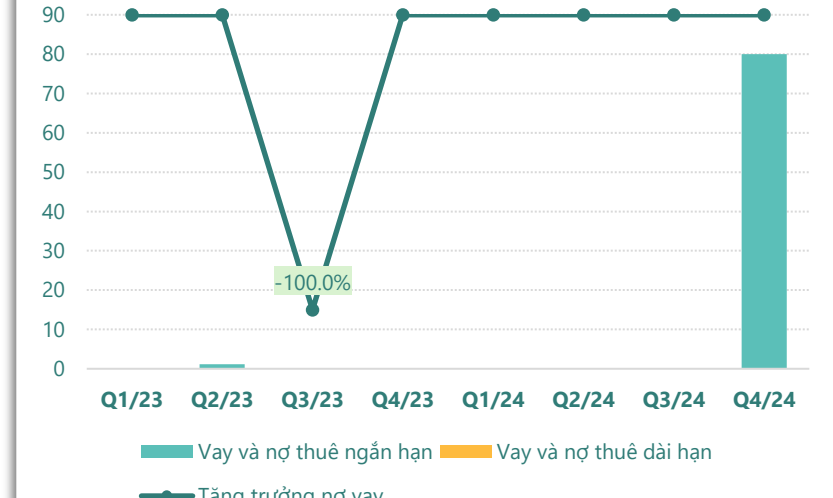
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

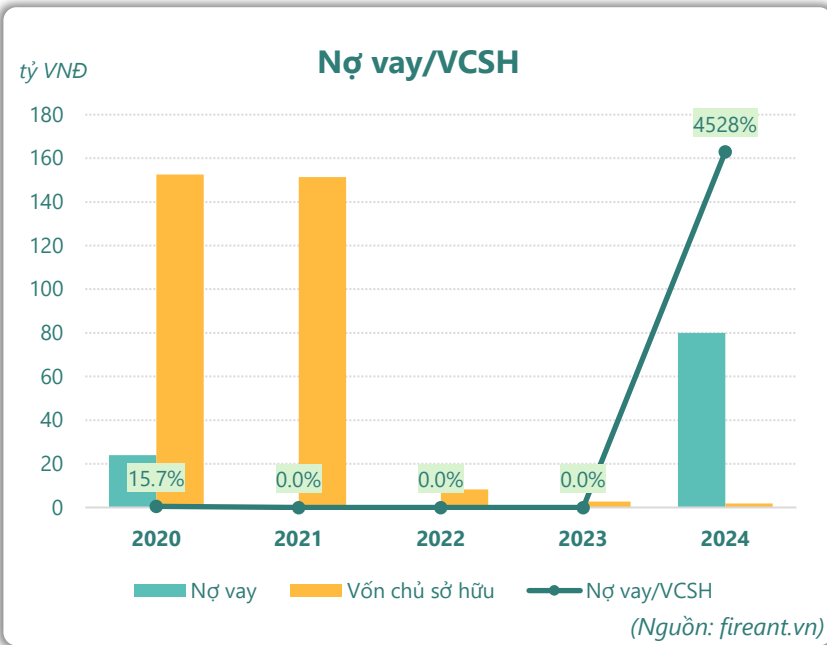
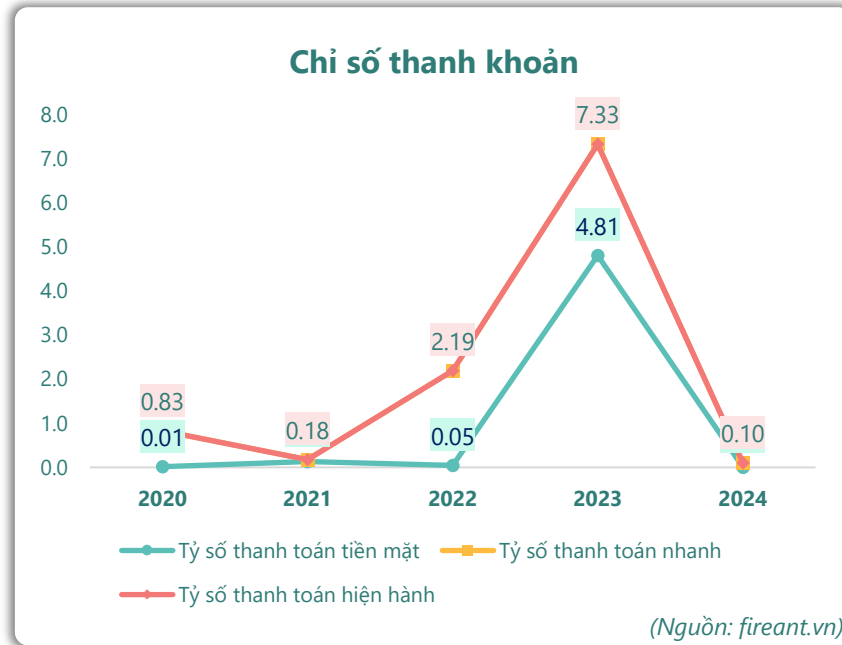
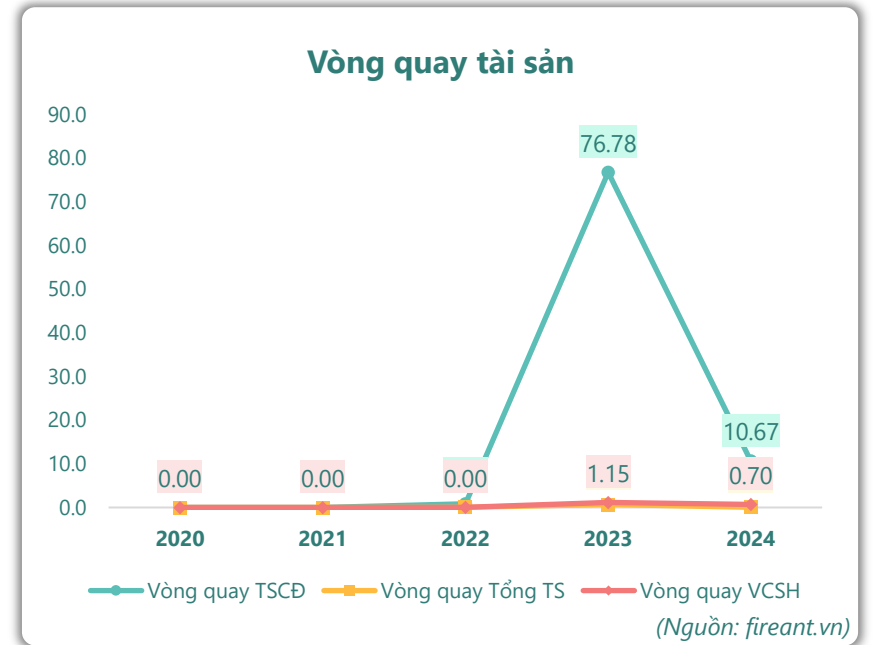
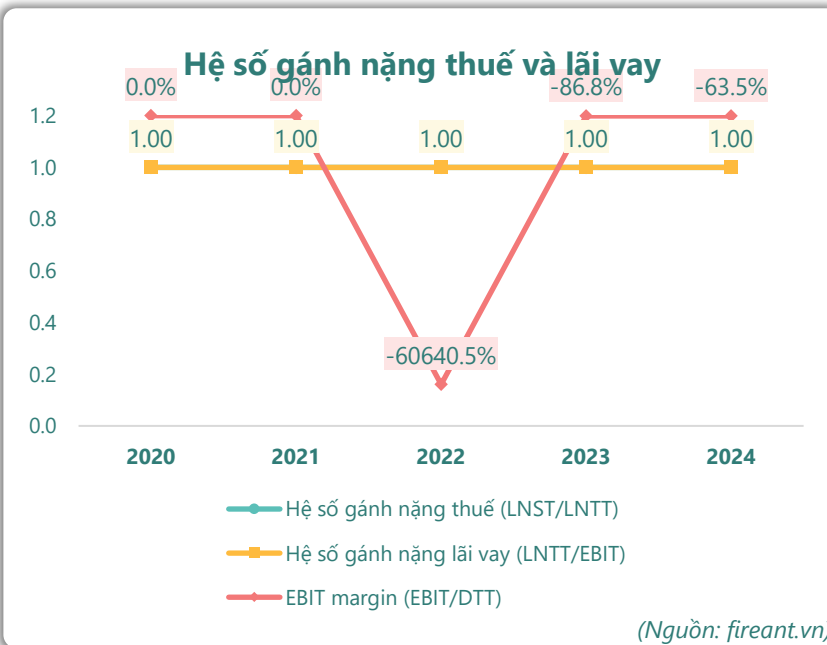
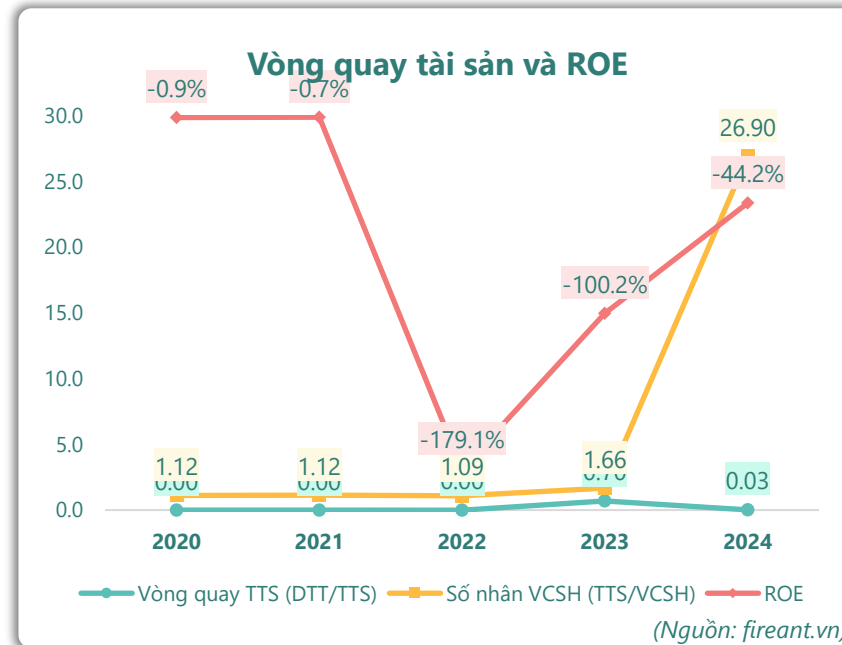
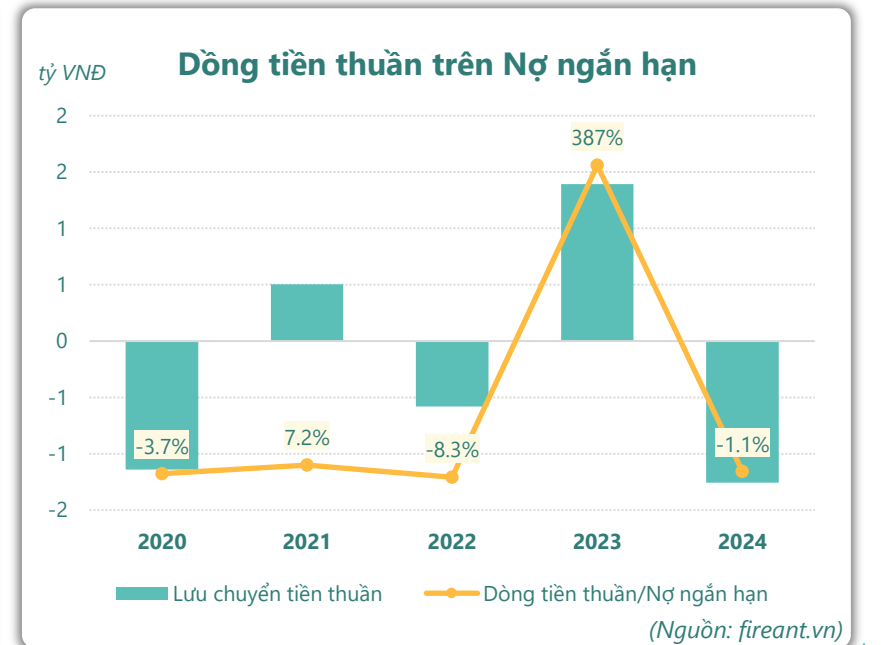
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0.19	0.39	-51.5%	1.58	6.41	-75.4%
Giá vốn hàng bán	0.18	0.37	-51.9%	1.52	5.93	-74.3%
Lợi nhuận gộp	0.01	0.02	-43.0%	0.06	0.48	-88.5%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-55.9%
Chi phí TC	0	0.00		0	2.99	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	0.30	0.64	-52.8%	1.03	1.65	-37.9%
LN thuần từ HĐKD	-0.29	-0.62	53.2%	-0.97	-4.17	76.7%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		-0.03	-1.40	97.7%
LN trước thuế	-0.29	-0.62	52.6%	-1.00	-5.57	82.0%
Lợi nhuận sau thuế	-0.29	-0.62	52.6%	-1.00	-5.57	82.0%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.29	-0.62	52.6%	-1.00	-5.57	82.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.78	0.17	-1.26	0.66	-1.06	-79.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0	0	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	80.0
Tiền đầu kỳ	0.77	1.55	1.73	0.47	1.13	0.07
Lưu chuyển tiền thuần	0.78	0.17	-1.26	0.66	-1.06	0.40
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.55	1.73	0.47	1.13	0.07	0.47

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	119	3.13	3699%
Tài sản ngắn hạn	12.1	2.64	358%
Tiền và tương đương tiền	0.47	1.73	-72.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	0.63	0.59	8.1%
Hàng tồn kho	0.04	0	
Tài sản ngắn hạn khác	10.9	0.32	3299%
Tài sản dài hạn	107	0.49	21510%
Phải thu dài hạn	0.08	0.14	-44.4%
Tài sản cố định	0.13	0.17	-22.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	106	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.24	0.19	24.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	117	0.36	32475%
Nợ ngắn hạn	117	0.36	32475%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	80.0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	36.7	0.08	46842%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.77	2.77	-36.2%
Vốn chủ sở hữu	1.77	2.77	-36.2%
Vốn điều lệ	173	173	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

